



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556

ngày 30 tháng 1 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 1 tháng 3 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Trí	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Tân	Thành viên
Bà Trần Tường Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên
Ông Lê Quốc Ân	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Huệ	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Cách	Thành viên

Ban điều hành

Ông Nguyễn Đức Trí	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thùy Oanh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Trung	Giám đốc điều hành
Bà Trần Thị Hòa Châu	Giám đốc điều hành
Ông Phan Văn Phước	Giám đốc điều hành
Ông Phan Quang Long	Giám đốc điều hành
Ông Nguyễn Văn Cường	Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

36 Phố Ông Ích Đường
Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ
Thành phố Đà Nẵng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ **Báo cáo của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 49 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban điều hành



Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 8 năm 2019



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 49.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 19-02-00162-19-2



Wang Foon Kim

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2019



A handwritten signature in blue ink, likely belonging to Phạm Thị Thùy Linh.

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3065-2019-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.143.813.904.659	1.121.767.785.537
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	26.651.184.993	25.052.150.214
Tiền	111		26.651.184.993	25.052.150.214
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		14.090.680.083	14.090.680.083
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10(a)	14.090.680.083	14.090.680.083
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		425.650.351.208	256.473.383.757
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	394.831.721.866	233.941.015.640
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		23.835.999.254	20.067.445.830
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		657.400.000	652.400.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	12.246.687.209	7.733.979.408
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(5.921.457.121)	(5.921.457.121)
Hàng tồn kho	140	14	639.456.842.309	795.741.014.655
Hàng tồn kho	141		639.456.842.309	795.741.014.655
Tài sản ngắn hạn khác	150		37.964.846.066	30.410.556.828
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	18(a)	10.340.989.699	7.205.647.446
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		27.583.162.467	23.177.871.945
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21(a)	40.693.900	27.037.437

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		825.001.318.194	872.315.526.201
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.267.590.930	1.596.552.619
Phải thu về cho vay dài hạn	215		926.400.000	514.300.000
Phải thu dài hạn khác	216		3.341.190.930	1.082.252.619
Tài sản cố định	220		776.499.509.685	828.729.645.415
Tài sản cố định hữu hình	221	15	774.395.032.680	826.077.632.203
<i>Nguyên giá</i>	222		1.635.267.991.063	1.595.038.829.026
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(860.872.958.383)	(768.961.196.823)
Tài sản cố định vô hình	227	16	2.104.477.005	2.652.013.212
<i>Nguyên giá</i>	228		10.402.507.069	10.322.812.069
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(8.298.030.064)	(7.670.798.857)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.526.300.072	1.173.000.428
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	3.526.300.072	1.173.000.428
Đầu tư tài chính dài hạn	250		13.895.522.424	13.592.194.134
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	10(b)	11.633.922.532	11.330.594.242
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	10(b)	7.755.702.000	7.755.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	10(b)	(6.399.102.108)	(6.399.102.108)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	10(a)	905.000.000	905.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		26.812.395.083	27.224.133.605
Chi phí trả trước dài hạn	261	18(b)	26.532.221.689	26.873.916.864
Lợi thế thương mại	269	19	280.173.394	350.216.741
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.968.815.222.853	1.994.083.311.738

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.553.375.133.048	1.549.453.855.609
Nợ ngắn hạn	310		1.128.370.200.401	1.108.309.957.111
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	198.547.981.477	242.117.376.966
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.563.980.736	11.738.606.197
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21(b)	8.132.819.194	9.544.568.006
Phải trả người lao động	314		228.999.837.833	254.157.284.180
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	3.656.697.216	4.419.159.238
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	16.086.464.707	15.991.653.672
Vay ngắn hạn	320	24(a)	598.539.872.954	516.475.636.275
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	70.842.546.284	53.865.672.577
Nợ dài hạn	330		425.004.932.647	441.143.898.498
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		13.403.112.308	15.294.587.874
Vay dài hạn	338	24(b)	411.601.820.339	425.849.310.624
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		415.440.089.805	444.629.456.129
Vốn chủ sở hữu	410	26	415.440.089.805	444.629.456.129
Vốn cổ phần	411	27	225.000.000.000	225.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.000.000.000	225.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	28	113.283.038.700	98.179.356.087
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		55.103.098.329	95.578.326.576
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		622.452.819	-
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		54.480.645.510	95.578.326.576
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		22.053.952.776	25.871.773.466
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.968.815.222.853	1.994.083.311.738

Ngày 20 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ
 Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Văn Cường
 Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Trị
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	2.098.893.130.696	2.145.816.951.100
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		372.857.902	825.897.590
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		2.098.520.272.794	2.144.991.053.510
Giá vốn hàng bán	11		1.931.594.637.056	1.960.373.598.992
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		166.925.635.738	184.617.454.518
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	9.320.389.702	7.977.147.380
Chi phí tài chính	22	33	24.283.509.015	27.353.694.918
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		19.933.726.465	18.892.143.511
Phần lãi trong công ty liên kết	24		1.910.328.290	-
Chi phí bán hàng	25	34	40.243.921.813	44.065.990.435
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	60.431.838.653	68.272.149.478
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		53.197.084.249	52.902.767.067
Thu nhập khác	31		1.056.434.309	3.550.650.338
Chi phí khác	32		1.262.705.959	1.581.273.838
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(206.271.650)	1.969.376.500
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		52.990.812.599	54.872.143.567
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	2.327.987.779	3.407.459.345
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (mang sang trang sau)	60		50.662.824.820	51.464.684.222

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (tràng trước mang sang)	60		50.662.824.820	51.464.684.222
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		54.480.645.510	46.996.044.245
Cổ đông không kiểm soát	62		(3.817.820.690)	4.468.639.977
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	2.421	2.089

Ngày 20 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Người duyệt:




Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Trị
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		52.990.812.599	54.872.143.567
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		95.508.660.434	74.528.736.644
Các khoản dự phòng	03		-	1.172.936.470
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.031.778.788	6.603.737.142
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.145.916.907)	(3.979.147.279)
Chi phí lãi vay	06		19.933.726.465	18.892.143.511
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		167.319.061.379	152.090.550.055
Biến động các khoản phải thu	09		(176.537.968.122)	(62.042.334.633)
Biến động hàng tồn kho	10		156.284.172.346	(36.501.059.732)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(75.685.172.572)	90.496.604.589
Biến động chi phí trả trước	12		(1.243.537.498)	(2.974.838.239)
			70.136.555.533	141.068.922.040
Tiền lãi vay đã trả	14		(20.247.836.389)	(19.550.657.364)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.269.064.211)	(4.293.399.382)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		254.079.435	71.067.527
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.879.396.872)	(18.081.017.817)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		39.994.337.496	99.214.915.004
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(49.485.456.188)	(120.857.057.891)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		162.999.999	5.383.478.182
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(830.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		412.900.000	4.768.271.529
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		905.747.360	1.185.227.973
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(48.833.808.829)	(109.520.080.207)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		1.490.658.794.393	1.590.442.840.174
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.424.133.603.281)	(1.526.065.594.091)
Tiền trả cổ tức	36		(56.086.685.000)	(47.546.634.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		10.438.506.112	16.830.612.083
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		1.599.034.779	6.525.446.880
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		25.052.150.214	30.217.978.641
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	9	26.651.184.993	36.743.425.521

Ngày 20 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ
 Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Văn Cường
 Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Trị
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty có các công ty con và công ty liên kết sau:

STT		Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty		Tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty	
		30/6/2019	1/1/2019	30/6/2019	1/1/2019
	Công ty con				
1	Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	76,88%	76,88%	76,88%	76,88%
2	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	54,18%	54,18%	54,18%	54,18%
3	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	81,73%	81,73%	81,73%	81,73%
4	Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
5	Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	100%	100%	100%	100%
	Công ty liên kết				
1	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	32,14%	32,14%	32,14%	32,14%
2	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty và các công ty con có 10.250 nhân viên (1/1/2019: 9.806 nhân viên).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) *Mất quyền kiểm soát*

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iv) *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) *Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất*

Các số dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại các công ty liên kết này.

(vi) *Hợp nhất kinh doanh*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) *Các giao dịch bằng ngoại tệ*

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành của Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyên	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

Trong kỳ, Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao của một số máy móc, thiết bị từ 7 năm xuống còn 5 năm để phản ánh hợp lý hơn thời gian hữu dụng của các tài sản này. Nếu Tổng Công ty tiếp tục khấu hao các máy móc thiết bị này trong thời gian 7 năm, giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và chi phí khấu hao cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày sẽ cùng giảm 22.314 triệu VND. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và lợi nhuận sau thuế TNDN cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày sẽ cùng tăng 21.198 triệu VND.

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 3 năm.

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng không quá 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban điều hành xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng, do vậy yêu cầu trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban điều hành cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban điều hành Tổng Công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban điều hành thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty và các công ty con không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Tổng Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Báo cáo bộ phận

Tổng Công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Trung Quốc
- Hoa Kỳ
- Nhật Bản
- Châu Phi
- Việt Nam
- Vương quốc Anh
- Các vùng khác

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Vương quốc Anh Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019								
Tổng doanh thu của bộ phận	580.335.114	495.952.835	225.351.409	147.282.973	92.172.727	10.125.409	547.672.664	2.098.893.131
Kết quả kinh doanh của bộ phận	29.225.956	60.121.808	18.818.439	3.935.129	18.756.082	652.674	35.415.548	166.925.636
<hr/>								
Thu nhập không phân bổ								11.230.718
Chi phí không phân bổ								124.959.269
<hr/>								
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh								53.197.085
<hr/>								
Thu nhập khác								1.056.434
Chi phí khác								1.262.706
Thuế thu nhập doanh nghiệp								2.327.988
<hr/>								
Lợi nhuận thuần sau thuế								50.662.825

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Vương quốc Anh Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Tài sản của bộ phận	143.755.695	93.191.556	28.494.578	30.401.018	18.395.898	26.693	80.566.284	394.831.722
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ								1.573.983.501
Tổng tài sản								1.968.815.223
Nợ phải trả của bộ phận	13.708.941	319.178	-	-	1.149.976	-	1.788.998	16.967.093
Các khoản nợ không phân bổ								1.536.408.040
Tổng nợ phải trả								1.553.375.133

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Chi tiêu vốn	49.485.456
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	94.767.581
Khấu hao tài sản cố định vô hình	627.231

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Vương quốc Anh Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018								
Tổng doanh thu của bộ phận	644.185.939	427.257.875	224.072.246	170.256.700	149.690.890	7.727.077	522.626.224	2.145.816.951
Kết quả kinh doanh của bộ phận	40.829.355	49.727.461	20.460.374	16.717.659	14.100.684	614.303	42.167.619	184.617.455
Thu nhập không phân bổ								7.977.147
Chi phí không phân bổ								139.691.835
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh								52.902.767
Thu nhập khác								3.550.650
Chi phí khác								1.581.274
Thuế thu nhập doanh nghiệp								3.407.459
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN								51.464.684

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Vương quốc Anh Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019								
Tài sản của bộ phận	70.407.946	17.507.374	3.175.835	34.599.626	49.605.570	-	58.644.665	233.941.016
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ								1.760.142.296
Tổng tài sản								1.994.083.312
Nợ phải trả của bộ phận	15.642.775	400.674	-	-	874.131	-	10.115.614	27.033.194
Các khoản nợ không phân bổ								1.522.420.662
Tổng nợ phải trả								1.549.453.856

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Chi tiêu vốn	120.857.058
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	73.765.878
Khấu hao tài sản cố định vô hình	649.011

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền mặt	528.047.309	180.477.624
Tiền gửi ngân hàng	26.123.137.684	24.871.672.590
	26.651.184.993	25.052.150.214

10. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	14.090.680.083	14.090.680.083	14.090.680.083	14.090.680.083
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	905.000.000	(*)	905.000.000	(*)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 6,4% đến 7,3% (2018: từ 6,4% đến 7,3%) một năm.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tại ngân hàng với lãi suất từ 6% đến 6,8% (2018: từ 6% đến 6,2%) một năm.

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	30/6/2019				1/1/2019			
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ VND
Công ty liên kết									
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Quảng Nam	642.800	32,14%	32,14%	11.633.922.532	642.800	32,14%	32,14%	11.330.594.242
Đơn vị khác									
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	65.000	7,12%	7,12%	(99.102.108)	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Quảng Nam	60.000	10,91%	10,91%	-	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	(6.300.000.000)	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000
					7.755.702.000				(6.399.102.108)
									7.755.702.000
									(6.399.102.108)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết và các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Motives (Far East) Limited	128.121.704.280	49.937.802.854
Haggar Clothing Co.	47.173.350.134	12.228.389.708
Gamal Ibrahim Ahmed Al Okiya	26.090.663.789	34.599.626.692
Supreme International Inc.	13.425.862.481	24.812.541.214
Các khách hàng khác	180.020.141.182	112.362.655.172
	<hr/>	<hr/>
	394.831.721.866	233.941.015.640
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 328.849 triệu VND (1/1/2019: 434.538 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 24(a)).

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	165.074.330	146.031.576
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

12. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Phải thu tiền bảo hiểm xã hội ứng trước cho nhân viên	367.190.100	3.136.927.777
Tạm ứng	1.030.061.208	770.470.550
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.011.474.282	1.300.319.238
Phải thu khác	2.837.961.619	2.526.261.843
	<hr/>	<hr/>
	12.246.687.209	7.733.979.408
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2019		1/1/2019					
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt	Từ 2 năm đến trên 3 năm	5.709.989.346	(5.447.115.753)	262.873.593	Từ 1 - 3 năm	5.709.989.346	(5.447.115.753)	262.873.593
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà	Trên 3 năm	406.124.753	(406.124.753)	-	Trên 3 năm	406.124.753	(406.124.753)	-
Khác	Trên 3 năm	68.216.615	(68.216.615)	-	Trên 3 năm	68.216.615	(68.216.615)	-
		<u>6.184.330.714</u>	<u>(5.921.457.121)</u>	<u>262.873.593</u>		<u>6.184.330.714</u>	<u>(5.921.457.121)</u>	<u>262.873.593</u>
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			<u>(5.921.457.121)</u>				<u>(5.921.457.121)</u>	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Hàng tồn kho

	Giá gốc	
	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Hàng mua đang đi trên đường	48.498.407.982	95.158.139.000
Nguyên vật liệu	201.680.361.222	239.783.772.107
Công cụ và dụng cụ	528.764.941	170.741.452
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	242.025.303.685	234.691.886.761
Thành phẩm	137.809.712.237	105.736.030.252
Hàng hóa	751.591.892	1.181.983.657
Hàng gửi đi bán	8.162.700.350	119.018.461.426
	<hr/>	<hr/>
	639.456.842.309	795.741.014.655

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 328.494 triệu VND (1/1/2019: 256.760 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 24(a)).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	344.699.449.710	1.108.098.081.099	56.030.690.154	7.556.876.338	78.653.731.725	1.595.038.829.026
Tăng trong kỳ	599.616.177	15.802.388.816	532.962.711	154.877.273	1.113.831.801	18.203.676.778
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.552.202.026	20.898.571.301	-	-	49.604.574	26.500.377.901
Thanh lý	(1.094.011.741)	(109.450.777)	(1.513.219.891)	(35.059.091)	-	(2.751.741.500)
Phân loại lại	-	12.159.954.866	(12.159.954.866)	-	-	-
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(1.723.151.142)	-	-	-	-	(1.723.151.142)
Số dư cuối kỳ	348.034.105.030	1.156.849.545.305	42.890.478.108	7.676.694.520	79.817.168.100	1.635.267.991.063
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	118.960.786.147	562.168.655.602	30.002.242.902	5.335.291.847	52.494.220.325	768.961.196.823
Khấu hao trong kỳ	10.164.620.100	77.152.079.247	2.034.249.513	496.163.090	4.920.468.704	94.767.580.654
Thanh lý	(1.068.852.999)	(109.450.777)	(1.513.219.891)	(35.059.091)	-	(2.726.582.758)
Phân loại lại	-	911.996.612	(911.996.612)	-	-	-
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(129.236.336)	-	-	-	-	(129.236.336)
Số dư cuối kỳ	127.927.316.912	640.123.280.684	29.611.275.912	5.796.395.846	57.414.689.029	860.872.958.383
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	225.738.663.563	545.929.425.497	26.028.447.252	2.221.584.491	26.159.511.400	826.077.632.203
Số dư cuối kỳ	220.106.788.118	516.726.264.621	13.279.202.196	1.880.298.674	22.402.479.071	774.395.032.680

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 444.721 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2019: 218.129 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 503.512 triệu VND (1/1/2019: 588.708 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho một số khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh 24(a)) và dài hạn (Thuyết minh 24(b)) của Tổng Công ty và các công ty con.

16. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	10.322.812.069
Tăng trong kỳ	79.695.000
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	10.402.507.069
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	7.670.798.857
Khấu hao trong kỳ	627.231.207
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	8.298.030.064
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	2.652.013.212
Số dư cuối kỳ	2.104.477.005
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 3.962 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 3.908 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.173.000.428	23.755.315.260
Tăng trong kỳ	28.853.677.545	104.322.666.346
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(26.500.377.901)	(92.501.277.070)
Số dư cuối kỳ	3.526.300.072	35.576.704.536

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại nhà máy Tổng Công ty	2.304.890.963	-
Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt nhà máy may Điện Bàn	483.608.685	479.608.685
Mở rộng nhà máy Duy Xuyên	472.568.604	472.568.604
Khác	265.231.820	220.823.139
	3.526.300.072	1.173.000.428

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trả trước phí bảo hiểm	1.235.436.562	1.098.354.544
Công cụ và dụng cụ	4.428.591.033	2.769.774.885
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	1.043.472.222	526.206.093
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.633.489.882	2.811.311.924
	10.340.989.699	7.205.647.446

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất	Công cụ	Chi phí trả trước	Tổng cộng
	trả trước	và dụng cụ	dài hạn khác	VND
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	4.190.700.180	15.385.250.930	7.297.965.754	26.873.916.864
Tăng trong kỳ	-	5.816.931.496	2.583.885.574	8.400.817.070
Thanh lý	-	(6.805.377)	-	(6.805.377)
Phân bổ trong kỳ	(43.805.226)	(6.315.621.838)	(2.376.279.804)	(8.735.706.868)
	4.146.894.954	14.879.755.211	7.505.571.524	26.532.221.689

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Lợi thế thương mại

	VND
Giá gốc	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	1.400.866.953
Giá trị phân bổ lũy kế	
Số dư đầu kỳ	1.050.650.212
Phân bổ trong kỳ	70.043.347
Số dư cuối kỳ	1.120.693.559
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu kỳ	350.216.741
Số dư cuối kỳ	280.173.394

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	20.914.463.626	17.843.537.499
Hultafors Group AB	16.236.390.433	10.195.414.891
Kwong Lung Enterprise Co., Ltd.	9.871.561.342	-
D P (Aia) Ltd.	7.935.138.756	-
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	7.520.047.033	7.581.742.746
Fujian Jung Wei New Fiber Science and Technology Co., Ltd.	7.433.512.113	7.144.380.502
Manhattan Outdoor Wear Factory Limited	6.464.937.330	8.675.972.079
Kufner Hongkong Limited	3.978.707.825	16.126.370.100
Motives (Far East) Limited	910.635.990	7.203.665.452
CDI - Cotton Distributors Inc	-	10.343.303.873
Louis Dreyfus Commodities LLC	-	10.317.681.150
Paul Reinhart AG	-	9.339.032.629
RCMA Asia Pte. Ltd.	-	9.318.983.621
Các nhà cung cấp khác	117.282.587.029	128.027.292.424
	198.547.981.477	242.117.376.966

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	20.914.463.626	17.843.537.499
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	7.520.047.033	7.581.742.746
Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Công ty TNHH Coats Phong Phú	2.110.262.234	2.729.997.807
	30.544.772.893	28.155.278.052

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã được hoàn lại/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2019 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.843.386	-	-	14.843.386
Thuế thu nhập cá nhân	12.194.051	(37.237.904)	50.894.367	25.850.514
	27.037.437	(37.237.904)	50.894.367	40.693.900

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	7.183.429.685	49.309.904.299	(49.799.934.354)	6.693.399.630
Thuế nhập khẩu	-	566.156.319	(508.305.277)	57.851.042
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.235.538.145	2.327.987.779	(3.269.064.211)	1.294.461.713
Thuế thu nhập cá nhân	125.600.176	2.815.904.134	(2.854.397.501)	87.106.809
Tiền thuê đất	-	2.254.321.010	(2.254.321.010)	-
Các loại thuế khác	-	429.929.402	(429.929.402)	-
	9.544.568.006	57.704.202.943	(59.115.951.755)	8.132.819.194

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Chi phí hoạt động	3.008.361.955	2.265.715.098
Chi phí lãi vay	413.654.892	727.764.816
Các khoản trích trước khác	234.680.369	1.425.679.324
	<hr/>	<hr/>
	3.656.697.216	4.419.159.238
	<hr/>	<hr/>

23. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Kinh phí công đoàn	10.611.670.528	10.061.159.431
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	201.624.643	730.974.538
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	194.905.360	179.007.118
Tiền chi hộ còn thừa phải trả lại	177.735.143	80.577.042
Cổ tức phải trả	869.179.547	705.864.547
Quỹ ái hữu, tương trợ	768.985.878	768.985.878
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.262.363.608	3.465.085.118
	<hr/>	<hr/>
	16.086.464.707	15.991.653.672
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2019		Biến động trong kỳ		30/6/2019	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	457.003.218.112	1.487.775.873.443	(1.394.391.367.824)	(10.218.370)	550.377.505.361	
Vay dài hạn đến hạn trả	59.472.418.163	18.341.077.229	(29.742.235.457)	91.107.658	48.162.367.593	
	516.475.636.275	1.506.116.950.672	(1.424.133.603.281)	80.889.288	598.539.872.954	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	3%	238.085.547.475	200.255.975.245
Vay ngân hàng 2 (ii)	USD	3%	114.365.245.954	79.758.862.641
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	3,1% - 3,6%	107.207.888.246	52.517.987.461
Vay ngân hàng 4 (ii)	USD	3%	86.957.131.083	65.398.475.187
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	2,7% - 3,5%	3.561.692.603	56.851.029.859
Vay ngân hàng 6 (i)	VND	7,5%	-	2.020.887.719
Vay Ban liên lạc hưu trí (ii)	VND	10%	200.000.000	200.000.000
			550.377.505.361	457.003.218.112

(i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu (Thuyết minh 11), hàng tồn kho (Thuyết minh 14) và tài sản cố định của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 15).

(ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Vay dài hạn	459.764.187.932	485.321.728.787
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(48.162.367.593)	(59.472.418.163)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	411.601.820.339	425.849.310.624

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2019	1/1/2019
				VND	VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	6,2% - 7%	2025	166.256.629.000	175.940.799.346
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	4,5%	2021	29.250.054.722	36.399.741.052
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	5,2 - 5,7%	2022	20.732.967.146	23.635.337.003
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	3,25% - 3,75%	2020	5.124.398.298	7.652.515.295
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	5%	2021	2.539.342.167	3.160.429.537
Vay ngân hàng 6 (i)	USD	5%	2021	2.986.974.106	3.659.905.705
Vay ngân hàng 7 (i)	VND	11%	2021	1.550.000.000	1.850.000.000
Vay ngân hàng 8 (i)	VND	10,4%	2020	1.000.000.000	1.400.000.000
Kuraray Trading Co., Ltd. (ii)	USD	2,5%	2021	11.676.500.000	13.949.400.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (i) (iii)	USD	LIBOR + 0,7%	2039	218.647.322.493	217.673.600.849
				459.764.187.932	485.321.728.787

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 15).
- (ii) Khoản vay này từ bên thứ ba và không được đảm bảo.
- (iii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”) và có hạn mức là 9.042.587 USD.

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	53.865.672.577	45.853.218.016
Trích lập trong kỳ	23.602.191.144	27.167.076.438
Tăng khác	254.079.435	71.067.527
Sử dụng trong kỳ	(6.879.396.872)	(18.396.600.536)
Số dư cuối kỳ	<u>70.842.546.284</u>	<u>54.694.761.445</u>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	225.000.000.000	84.867.338.095	84.489.432.518	43.275.409.105	437.632.179.718
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	46.996.044.245	4.468.639.977	51.464.684.222
Phân bổ vào các quỹ	-	13.312.017.992	(13.312.017.992)	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	(45.000.000.000)	(2.714.400.000)	(47.714.400.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(27.010.998.438)	(156.078.000)	(27.167.076.438)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	225.000.000.000	98.179.356.087	46.162.460.333	44.873.571.082	414.215.387.502
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	225.000.000.000	98.179.356.087	95.578.326.576	25.871.773.466	444.629.456.129
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	54.480.645.510	(3.817.820.690)	50.662.824.820
Phân bổ vào các quỹ	-	15.103.682.613	(15.103.682.613)	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	(56.250.000.000)	-	(56.250.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(23.602.191.144)	-	(23.602.191.144)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	225.000.000.000	113.283.038.700	55.103.098.329	22.053.952.776	415.440.089.805

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2019		1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	22.500.000	225.000.000.000	22.500.000	225.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	225.000.000.000	22.500.000	225.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	225.000.000.000	22.500.000	225.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	30/6/2019 và 1/1/2019		
	Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	14.615.621	146.156.210.000	64,96%
Các cổ đông khác	7.884.379	78.843.790.000	35,04%
	22.500.000	225.000.000.000	100%

28. **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh.

29. **Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 20 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 56.250 triệu VND cho năm 2018, tương đương 25% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 45.000 triệu VND cho năm 2017, tương đương 20% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trong vòng một năm	21.393.496.445	5.165.528.855
Trong vòng hai đến năm năm	92.250.017.540	38.690.182.762
Sau năm năm	147.212.173.938	66.543.021.899
	<hr/>	<hr/>
	260.855.687.923	110.398.733.516
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	479.328	11.021.809.266	682.112	15.787.254.561
EUR	239	6.287.303	244	6.455.657
		<hr/>		<hr/>
		11.028.096.569		15.793.710.218
		<hr/>		<hr/>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	224.659.322.344	50.205.000.000
	<hr/>	<hr/>

31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	905.747.360	1.185.227.973
Cổ tức được chia	192.000.000	210.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.186.098.800	6.514.965.308
Doanh thu hoạt động tài chính khác	36.543.542	66.954.099
	9.320.389.702	7.977.147.380
	9.320.389.702	7.977.147.380

33. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	19.933.726.465	18.892.143.511
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.318.003.762	1.857.814.265
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.031.778.788	6.603.737.142
	24.283.509.015	27.353.694.918
	24.283.509.015	27.353.694.918

34. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.966.007.764	4.055.196.769
Chi phí vật liệu, bao bì	291.403.133	461.536.784
Chi phí khấu hao tài sản cố định	54.641.075	41.028.342
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.852.055.868	29.503.407.656
Chi phí khác	6.079.813.973	10.004.820.884
	40.243.921.813	44.065.990.435
	40.243.921.813	44.065.990.435

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Chi phí nhân viên	33.010.254.445	36.686.228.660
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ		
lợi thế thương mại	4.593.735.291	4.775.992.977
Thuế, phí và lệ phí	1.800.674.519	1.709.061.590
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.298.550.095	11.400.123.285
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	959.555.004
Chi phí khác	12.728.624.303	12.741.187.962
	60.431.838.653	68.272.149.478

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.054.302.836.640	1.075.768.333.760
Chi phí nhân viên	537.563.961.465	567.011.317.615
Chi phí khấu hao	95.508.660.434	74.528.736.644
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	269.235.235.397	296.176.084.222

37. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	2.327.987.779	3.407.459.345

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	52.990.812.599	54.872.143.567
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	5.299.081.260	5.487.214.357
Ưu đãi thuế	(2.074.026.684)	(1.915.085.167)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(744.722.630)	922.133.752
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	222.762.548	382.054.348
Chi phí không được khấu trừ thuế	81.450.041	174.613.227
Thu nhập không bị tính thuế	(19.200.000)	-
Giảm thuế (*)	(191.564.000)	(66.188.500)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	36.719.082	(1.577.282.672)
Lỗi tính thuế được sử dụng	(282.511.838)	-
	2.327.987.779	3.407.459.345

(*) Tổng Công ty được giảm thuế theo quy định tại Điều 21, Thông tư 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng từ 10 đến 100 lao động nữ, trong đó số lao động nữ chiếm trên 50% tổng 150 lao động có mặt thường xuyên hoặc sử dụng thường xuyên trên 100 lao động nữ mà số lao động nữ chiếm trên 30% tổng số lao động có mặt thường xuyên của doanh nghiệp được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ.

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Đối với Tổng Công ty

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2007 (2007 - 2021) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2007 - 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

(ii) Đối với các công ty con

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20%.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	54.480.645.510	46.996.044.245
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	54.480.645.510	46.996.044.245
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ	22.500.000	22.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.421	2.089

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch cho kỳ sáu tháng	
	kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt may Việt Nam		
Cổ tức công bố và đã trả	36.539.052.500	29.231.242.000
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.618.500.199	905.331.819
Mua hàng hóa và dịch vụ	22.672.440.142	16.069.962.360
Chi phí lãi vay	3.046.124.377	2.262.970.257
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	518.625.430	387.941.562
Mua hàng hóa và dịch vụ	28.361.738.610	25.860.596.489
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	71.370.437	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	38.758.157.257	-
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	1.607.000.000	-
Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Công ty TNHH Coats Phong Phú		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	36.372.013
Mua hàng hóa và dịch vụ	12.217.944.567	15.140.737.316
Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
Mua hàng hóa và dịch vụ	930.434.476	8.280.000
Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.811.092.415	1.302.423.434
Thành viên khác trong Ban điều hành		
Tiền lương và thưởng	5.230.740.666	3.236.238.018
Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		
Thù lao	838.987.982	713.971.864

